TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày: 26-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đăng Ninh
2. Ông Phạm Văn Úy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 05/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 22/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 05/5/2020 đối với các bị cáo:

1/ Hoàng Ngọc Đ, sinh năm 1986; STQ tại: Thôn XT, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc T (đã chết) và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1943; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 19/4/2012, bị TAND huyện Nông Cống xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 16/10/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xử phạt 15 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 08/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 03/02/2020, bị TAND Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 32/2020/HSST.Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định thi hành án số 85/2020/QĐ-CA, ngày 09/3/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2/ Lê Văn T, sinh năm 1981; STQ tại: Thôn 8 CV, xã HT, huyện HH, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1951; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (đã ly hôn); con: 01 con sinh năm 2007; Tiền án: Ngày 29/6/2017, bị TAND huyện Hoằng Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 11/7/2008, bị TAND huyện Hoằng Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Chấp hành xong bản án ngày 24/9/2014; Ngày 28/12/2015, bị TAND huyện Hoằng Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, từ ngày 27/12/2019 đến nay; Có mặt.

* Bị hại:

1/ Chị Trần Thị T - Sinh năm: 1972; nơi cư trú: tiểu khu 2, thị trấn NS, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;

2/ Anh Mai Sỹ L - Sinh năm 1975; nơi cư trú: Xóm HN, xã NH, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;

3/ Anh Nguyễn Văn Đ- Sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn TT 1, xã NT, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;

4/ Anh Nguyễn Huy S - Sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn TT 2, xã NT, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Hoàng Ngọc K - Sinh năm: 1982; nơi cư trú: Số 204 Dương Đình Nghệ, phường TS, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2/ Anh Lê Xuân T - Sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn 4, xã HV, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

* Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn X - Sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn PK, xã HL, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11giờ 30phút, ngày 08/9/2019, Hoàng Ngọc Đ đi xe buýt từ Thành phố Thanh Hóa đến thị trấn Nga Sơn, Được xuống xe và đi bộ quanh thị trấn Nga Sơn với mục đích trộm cắp xe môtô. Khi đến đường Yên Hạnh, Được phát hiện bên trong chùa Kim Quy có nhiều người đang làm lễ, phía bên ngoài khu vực nhà xe có nhiều xe máy đang dựng. Đ đi về phía nhà xe và nhìn thấy 01 xe máy nhãn hiệu Sirius, BKS 36G1-016.08 của chị Trần Thị T, ở tiểu khu 2, thị trấn. Đ dùng chìa khóa mang theo cắm vào ổ khóa điện và mở được khóa. Đ đề cho xe nổ máy, chạy theo quốc lộ 10 hướng Hậu Lộc đi Hoằng Hóa và về nhà. Khi bị cáo đến xã Hoằng L, huyện Hoằng Hóa thì dừng xe lại, Đ mở cốp xe thấy bên trong có 01 điện thoại di động (không nhãn hiệu) và giấy tờ xe. Sau đó, Đ đi lên Thành phố Thanh Hóa, mục đích để tìm nơi cầm cố xe máy vừa trộm được. Khi đến bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa do xe hết xăng, bị cáo dừng lại đỗ xăng. Không có tiền nên bị cáo đã đưa chiếc điện thoại cho người bán xăng và hẹn quay lại trả tiền lấy điện thoại. Khi đến cửa hàng cầm đồ Ngọc Khánh, địa chỉ số 204 Dương Đình Nghệ, phường TS, bị cáo cầm cố lấy số tiền 4.000.000đ.Số tiền này bị cáo chi tiêu cá nhân và sử dụng mua ma túy. Ngày 02/10/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn xác định giá trị xe là 4.970.000đ.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ còn khai nhận trong thời gian từ tháng 8, tháng 9 năm 2019 thực hiện thêm 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 04/8/2019, bị cáo đi xe buýt từ huyện Hoằng Hóa sang huyện Nga Sơn, mục đích thấy sơ hở của chủ tài sản để trộm cắp. Đến thị trấn Nga Sơn, Đ đi bộ quanh khu vực trung tâm văn hóa huyện, thấy nhiều trẻ em vui chơi và dựng nhiều xe máy. Bị cáo phát hiện 01 xe máy nhãn hiệu Wave alpha BKS 36 G1-117.09, màu xám đen bạc, có cắm sẵn chìa khóa trong ổ khóa, không có người trông coi, Đ ngồi lên xe và nổ máy đi theo Quốc lộ 10 về huyện Hoằng Hóa.Đến xã Hoằng T, bị cáo cởi áo dài tay và mũ bảo hiểm vứt dọc đường, tháo biển kiểm soát xe máy cất góc nghĩa địa. Bị cáo đến thôn CV, xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa bán xe máy không biển kiểm soát cho Lê Văn T và nói là xe trộm cắp, T đồng ý mua với giá 800.000đ. T sử dụng một thời gian và bán lại cho người khác với giá 1.700.000đ, hưởng chênh lệch 900.000đ. Quá trình điều tra Cơ quan Công an không thu hồi lại được xe mô tô trên, nhưng xác định chủ chiếc xe máy do Đ trộm cắp là xe của anh Mai Sỹ L, ở xã Nga H, huyện Nga Sơn. Ngày 04/02/2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn tiến hành định giá và xác định giá trị xe máy nhãn hiệu Wave alpha BKS 36 G1-117.09, màu xám đen bạc là 4.300.000đ. Anh L yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường giá trị xe theo giá Hội đồng định giá.

Vụ thứ hai: Ngày 22/8/2019, Hoàng Ngọc Đ đi xe buýt từ Thành phố Thanh Hóa đến thị trấn Nga Sơn. Sau khi xuống xe, Đ đi nhờ xe của một người đến xã Nga T. Bị cáo đi đến thôn TT 1, xã Nga T quan sát và phát hiện xe máy Sirius, màu đỏ đen, BKS 36G1-150.48 của anh Nguyễn Văn Đ dựng trước cửa nhà không có ai trông coi, nhìn vào bên trong thấy vợ anh Đ nằm ngủ trên võng, phía dưới võng có 1 điện thoại Samsung Glaxy Note8. Đ đi vào trong lấy điện thoại bỏ vào túi quần, trở ra ngoài. Đ nhìn thấy chìa khóa xe máy để ở cửa sổ, bị cáo cầm và cắm chìa khóa vào ổ điện rồi nổ máy điều khiển xe về huyện Hoằng Hóa. Đ bán điện thoại cho một người không quen biết với giá 1.000.000đ, còn chiếc xe máy do chưa tìm được người để bán xe, nên Đ để lại làm phương tiện đi lại. Ngày 10/9/2019, chiếc xe bị Cơ quan công an Thành phố Thanh Hóa tạm giữ do liên quan đến vụ trộm cắp của bị cáo tại thành phố Thanh Hóa, bị cáo đã tự nguyện giao nộp chiếc xe đó cho cơ quan công an Thành phố Thanh Hóa. Về tài sản Đ trộm cắp của anh Đ, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn tiến hành định giá điện thoại giá trị 6.500.000đ và xe máy có giá trị là 6.900.000đ. Hiện tại xe máy đã thu hồi và trả lại cho anh Đ, điện thoại di động không thu hồi được nhưng anh Đ không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị điện thoại di động bị mất.

Vụ thứ ba: Ngày 04/9/2019, bị cáo Đ đi xe buýt từ Thành phố Thanh Hóa đến huyện Nga Sơn, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến thị trấn Nga Sơn, Được xin đi nhờ xe đến thôn TT 2, xã Nga T nhìn thấy xe máy Wave Alpha, màu đen, BKS 36 N3-6552 xe của anh Nguyễn Huy S dựng xe trước nhà bà Mai Thị B, không thấy người trông coi. Bị cáo đi đến xe máy, dùng vam phá khóa mang theo, cắm vào ổ điện và điều khiển xe về huyện Hoằng Hóa. Lo sợ bị phát hiện nên bị cáo tháo biển kiểm soát xe ra và vứt vào vệ đường. Sau đó đi đến khu nghĩa trang xã Hoằng T, lấy biển kiểm soát 36 G1-117.09 (cất giấu từ trước) lắp vào xe vừa trộm được đi đến nhà Lê Văn T, T biết là xe Đ trộm cắp nhưng vẫn đồng ý đi cùng Đ đem xe bán cho

Nguyễn Văn X (ở thôn Phượng K, xã HL, huyện Hoằng Hóa) được 1.000.000đ. Đ chia cho T 200.000đ, và sử dụng mua ma túy 200.000đ (cùng T sử dụng ma túy chung). Số tiền còn lại Đ chi tiêu cá nhân. Nguyễn Văn X mua xe của Đ và T bán, sử dụng một thời gian và mang đến cầm cố cho Lê Xuân T với giá 2.000.000đ, đã chi tiêu cá nhân hết.Về tài sản Đ trộm cắp của anh S, Hội đồng định giá tài sản huyện Nga Sơn tiến hành định giá xe máy trộm cắp có giá trị 5.500.000đ, Cơ quan điều tra công an huyện Nga Sơn đã thu hồi được tài sản và đã trả lại cho anh S, anh S không có yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường gì.

Hành vi mua xe lại của Nguyễn Văn X và Lê Xuân T do không biết là tài sản trộm cắp của Đ nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đối với bị cáo Lê Văn T, Cơ quan điều tra xác định bị cáo tham gia tiêu thụ tài sản do bị cáo Hoàng Ngọc Đ trộm cắp tài sản gồm 02 lần:

Lần 1: T mua 01 xe máy nhãn hiệu Wave Alpha (gắn BKS 36 G1-117.09, màu xám đen bạc) với giá 800.000đ, sau đó lại bán lại cho người khác với giá 1.700.000đ, hưởng chênh lệch 900.000đ;

Lần 2: T đồng ý đi cùng Đ đem xe máy Wave Alpha, màu đen, BKS 36 N3-6552 (nhưngtháo biển kiểm soát và gắn BKS 36 G1-117.09 vào) bán cho Nguyễn Văn X được 1.000.000đ. Đ chia cho T 200.000đ và cùng Đ mua ma túy sử dụng chung là 200.000đ.

Tổng giá trị các tài sản bị cáo Hoàng Ngọc Đ trộm cắp là 28.170.000đ; Lê Văn T tiêu thụ tài sản do bị cáo Đ trộm cắp là 9.800.000đ.

* Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản trộm cắp của Hoàng Ngọc Đ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã xác định chủ sở hữu sau: xe máy nhãn hiệu Sirius, BKS 36G1-016.08 của chị Trần Thị T; xe máy nhãn hiệu Wave Alpha BKS 36 G1-117.09, màu xám đen, bạc của anh Mai Sỹ L; xe máy nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, BKS 36G1-150.48 và 01 điện thoại Samsung Glaxy Note 8 màu đen đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn Đ; xe máy Wave Alpha, màu đen, BKS 36 N3-6552 xe của anh Nguyễn Huy S. Cơ quan điều tra công an huyện Nga Sơn đã tiến hành thu hồi được 03 xe máy; đối với điện thoại di động Samsung Glaxy Note 8 màu đen đã qua sử dụng bị cáo trộm cắp và đã bán, hiện tại không xác định được người mua, nên không thu hồi được. Ngày 23/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã tiến hành trả lại tài sản là 3 xe máy bị cáo trộm cắp cho chị T, anh Đ, anh S. Những người bị hại sau khi nhận lại xe, chị T, anh S không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường thiệt hại; anh Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về giá trị xe máy cũng như giá trị của điện thoại chưa thu hồi được.

Đối với xe máy của anh Mai Sỹ L, hiện tại không thu hồi được. Anh L yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị tài sản cho anh theo giá Hội đồng đã định giá. Riêng biển kiểm soát của xe máy (BKS 36 G1-117.09) mà bị cáo Đ tháo cất giấu, hiện đã được thu hồi để xử lý theo quy định.

Đối với vam phá khóa mà Đ sử dụng để phá khóa xe máy, bị cáo đã vứt ven đường, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả.

Bị cáo Đ bán xe, cầm cố các xe trộm cắp và điện thoại di động được số tiền 6.800.000đ, Đ đã chi tiêu hết; Bị cáo T được bị cáo Đ cho hưởng lợi 200.000đ và bán lại xe đã mua của bị cáo Đ hưởng tiền chệnh lệch là 900.000đ

Đối với số tiền 4.000.000đ anh Hoàng Ngọc K bỏ ra cầm cố xe máy nhãn hiệu Sirius, BKS 36G1-016.08 mà bị cáo Đ trộm cắp của chị Trần Thị T; số tiền 2.000.000đ của Lê Xuân T bỏ ra để cầm cố lại xe máy cho Nguyễn Văn X đã mua của bị cáo Đ. Anh K, anh T không có yêu cầu gì đối với người bán xe và người thực hiện cầm cố xe.

Trong vụ án, Nguyễn Văn X là người mua lại xe máy Wave Alpha, màu đen, BKS 36 N3-6552 bị cáo Đ trộm cắp của anh Nguyễn Huy S (sau đổi biển kiểm soát khác thành BKS 36 G1-117.09) với số tiền 1.000.000đ. Nhưng anh X không biết đó là tài sản trộm cắp, do đó không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Ngày 05/5/2020, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Do bị cáo Hoàng Ngọc Đ đã đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm (Bộ Công an) nên không trích xuất bị cáo đến phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSNS-KT, ngày 02/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Ngọc Được về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Lê Văn Tâm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên toà, trong phần luận tội, đại diện VKSND huyện Nga Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Ngọc Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Lê Văn T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 38 và điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS;

Xử phạt: Hoàng Ngọc Đ từ 42 đến 48 tháng tù; tổng hợp hình phạt tù 36 tháng của bản án số 32/2020, ngày 03/02/2020 của TAND Thành phố Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; và khoản 1 Điều 323 của BLHS;

Xử phạt: Lê Văn T từ 15 đến 18 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/12/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 30 BLTTHS; Điều 357; Điều 584; Điều 589 BLDS chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm hại cho anh Mai Sỹ L theo giá trị tài sản Hội đồng định giá đã xác định; Buộc bị cáo Đ phải bồi thường số tiền cho anh L là 4.300.000đ; Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Huy S không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về giá trị tài sản

nên miễn xét; Anh Hoàng Ngọc K, anh Lê Xuân T không yêu cầu về số tiền đã mua xe và cầm cố xe nên miễn xét.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy BKS 36 G1-117.09 do không còn giá trị sử dụng theo quy định;

Truy thu số tiền 1.100.000đ của bị cáo T là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có.

Bị cáo Hoàng Ngọc Đ và Lê Văn T không có ý kiến tranh luận với VKS. Bị cáo Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Ngọc Đ và Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong khoảng thời gian từ ngày 04/8/2019 đến ngày 08/9/2019, bị cáo Đ đã thực hiện 04 vụ trộm cắp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể: ngày 04/8/201901 bị cáo Đ trộm cắp xe máy nhãn hiệu Wave alpha BKS 36G1-117.09 của anh Mai Sỹ L, giá trị 4.300.000đ; Ngày 22/8/2019 Đ trộm cắp 01 xe máy Sirius, màu đỏ đen, BKS 36G1-150.48 của anh Nguyễn Văn Đ, giá trị 6.900.000đ và 01 điện thoại di động Samsung Glaxy Note8 màu đen đã qua sử dụng, giá trị 6.500.000đ; ngày 04/9/2019, Được trộm cắp 01xe máy Wave Alpha, màu đen, BKS 36 N3-6552 xe của anh Nguyễn Huy S, giá trị 5.500.000đ; ngày 08/9/2019 dùng vam phá khóa trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Sirius, BKS 36G1-016.08 của chị Trần Thị T, có giá trị 6.900.000đ. Tổng giá trị tài trộm cắp là 28.170.000đ;

Bị cáo Lê Văn T, tiêu thụ tài sản do bị cáo Hoàng Ngọc Đ trộm cắp tài sản gồm 02 lần: mua 01 xe máy nhãn hiệu Wave alpha BKS 36 G1-117.09, màu xám đen bạc của Đ với giá 800.000đ, sau đó lại bán lại cho người khác với giá 1.700.000đ; Bị cáo T cùng bị cáo Đ đem xe máy Wave Alpha, màu đen, BKS 36 N3-6552 (sau tháo biển và thay bằng BKS 36 G1-117.09) bán cho Nguyễn Văn X được 1.000.000đ; Bị cáo T được hưởng lợi 200.000đ và cùng Đ mua ma túy sử dụng chung là 200.000đ.Tổng giá trị các tài sản bị cáo Mai Văn T thực hiện tiêu thụ tài sản do bị cáo Đ trộm cắp có tổng giá trị là 9.800.000đ.

Bị cáo Đ đã lợi dụng sự sơ hở của người có tài sản, đã lén lút dùng vam phá khóa được chuẩn bị sẵn từ trước để phá khóa ổ điện và lấy được tài sản. Lời khai của bị cáo phù hợp với đơn trình báo của bị hại, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T do quen biết với bị cáo Đ và biết rõ các xe máy mà bị cáo mua và đem đi bán cùng Đ đều do hành vi trộm cắp của bị cáo Đ mà có. Nhưng vì muốn có tiền tiêu sài và mua ma túy nên bị cáo đã tiêu thụ tài sản trộm cắp của bị cáo Đ.

Bị cáo Hoàng Ngọc Đ phạm tội 02 lần trở lên và là người đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; Lê Văn T phạm tội 02 lần trở lên và thuộc trường hợp tái phạm.Từ những hành vi

phạm tội trên của các bị cáo Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hoàng Ngọc Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS; Lê Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS như đề nghị nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tuổi còn trẻ, là người có sức khỏe nhưng không chịu lao động. Với bản tính ham chơi nhưng muốn hưởng thụ trên thành quả công sức từ tài sản của người khác. Bị cáo Đ lợi dụng sự sơ hở của người có tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó đem tài sản trộm cắp bán và cầm cố cho người khác. Bị cáo T biết bị cáo Đ trộm cắp tài sản nhưng vẫn đồng ý mua xe của Đ sau đó bán lại xe cho người khác hưởng chênh lệch từ tài sản trộm cắp, lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây nguy hiểm và mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới.

Bị cáo Hoàng Ngọc Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" có tổng giá trị tài là 28.170.000đ; có 02 tiền án, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS;

Bị cáo T phạm tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" có tổng giá trị là 9.800.000đ; có 01 tiền án,phạm tội thuộc trường hợp tái phạm.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Ngọc Đ và Lê Văn T đều có nhân thân xấu.

- Xét về tình tiết giảm nhẹ: Đối với bị cáo Hoàng Ngọc Đ và Lê Văn T, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, bị cáo Đ sau khi phạm tội đã tự thú về hành vi trộm cắp xe máy trước đó (03 lần) nên được hưởng thêm tình tiết "người phạm tội tự thú" được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm:

Đối với bị cáo Hoàng Ngọc Đ; phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xử phạt 03 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 60/2016 ngày 08/9/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2019; bị TAND Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 32/2020/HSST, ngày 03/02/2020. Tuy chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội lần này của bị cáo là "tái phạm nguy hiểm", thuộc trường hợp định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS;

Đối với bị cáo Lê Văn T: bị TAND huyện Hoằng Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" ngày 29/6/2017; tuy chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo phạm tội 2 lần trở lên và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm " được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ trộm cắp tài sản của chị Trần Thị T; anh Mai Sỹ L; anh Nguyễn Văn Đ; anh Nguyễn Huy S, đã được cơ quan điều tra thu hồi tài sản và trả lại cho chị T, anh S, anh H (riêng điện thoại di động của anh Đ không

thu hồi được), nhưng những bị hại đều không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường thiệt hại gì.

Đối với xe máy của anh Mai Sỹ L, hiện tại không thu hồi được. Anh L yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị tài sản cho anh theo giá Hội đồng đã định giá. Do đó, buộc bị cáo Đ phải bồi thường giá trị xe máy 4.300.000đ cho anh L theo quy định.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu tiêu hủy BKS 36 G1-117.09 không còn giá trị sử dụng theo quy định.

Truy thu số tiền 1.100.000đ của bị cáo T là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có sung Ngân sách Nhà nước.

Vam phá khóa mà Đ sử dụng để phá khóa xe máy, bị cáo đã vứt ven đường, do không thu hồi được nên miễn xét.

[7] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và căn cứ theo quy định tại các Điều 37; Điều 42 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đ phải chịu án phí DSST theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Đ); Căn cứ vào: khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự (đối với bị cáo T);

* Tuyên bố:

- Bị cáo Hoàng Ngọc Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

* Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Ngọc Đ 42(*Bốn mươi hai*) tháng tù; Tổng hợp với hình phạt 03(*Ba*) năm tù tại bản án số 32/2020, ngày 03/02/2020 của TAND TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Hoàng Ngọc Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 78(*Bảy mươi tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2019

- Bị cáo Lê Văn T 15 (*Mười lăm*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 27/12/2019.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 589; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Hoàng Ngọc Đ bồi thường cho anh Mai Sỹ L 4.300.000đ;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106; của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy BKS 36 G1-117.09 do không còn giá trị sử dụng theo quy định;

Truy thu số tiền 1.100.000đ của bị cáo T là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có sung vào Ngân sách Nhà nước.

***** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Hoàng Ngọc Đ, Lê Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST. Bị cáo Được phải chịu 215.000đ án phí DSST.

* Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Công an huyện Nga Sơn;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng GĐ-KT Toà án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Huệ